

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/HNGĐ-ST
Ngày 09/02/2018
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thế Tương

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và ông Phan Văn Tiến

Thư ký phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Không

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1991 (Có mặt)
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình B**, sinh năm 1986 (Vắng mặt lần 2)

Đều trú tại: thôn A, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình, sau khi cưới vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương. Vợ chồng sống vui vẻ

được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Trong thời kỳ chị mang thai anh B đánh đập, đuổi chị đi, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã N, huyện T từ tháng 7 năm 2017 và sinh con ở đây, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B

Về con chung: Chị và anh B có một 01 chung là Nguyễn Khánh C, sinh ngày 14/7/2017. Hiện con chung đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung : Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Nguyễn Đình B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi cưới vợ chồng chung sống và làm ăn tại địa phương. Sau khi chung sống một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị Điệp đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thụy Ninh ở và sinh sống, anh có tìm chị Đ nhưng chị Đ không về. Nay chị Đ xin ly hôn anh không đồng ý, nếu chị Đ cố tình xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung:

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Khánh C, sinh ngày 14/7/2017. Hiện con chung đang ở với chị Đ, anh không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung : Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi, bổ sung gì. Còn bị đơn là anh Nguyễn Đình B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa nên

Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh B vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh B

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Đình B kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Nhưng khi về chung sống với nhau mới được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn nên khi chung sống cùng nhau đã không có tiếng nói chung và nhanh chóng không còn tình cảm. Vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét hôn nhân của anh chị chỉ còn là hình thức vì trên thực tế chị Đ và anh B đã sống ly thân gần một năm nay, Tòa án đã kiên trì hòa giải cho các bên về đoàn tụ nhưng chị Đ cương quyết xin ly hôn, còn anh B xin đoàn tụ nhưng nếu chị Đ cương quyết thì anh cũng chấp nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị.

2. Về con chung: Chị Đ và anh B có 01 chung là Nguyễn Khánh C, sinh ngày 14/7/2017. Hiện nay con chung chưa được một tuổi và đang ở với chị Đ. Chị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên. Xét yêu của chị Đ là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng

1.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị.

3. Về tài sản chung : Chị Đ và anh B thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Đình B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh C, sinh ngày 14/7/2017 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2018, anh B có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, chị Đ không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai số 0001248 ngày 24/11/2017 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí, chị Đ đã nộp xong án phí. Anh Nguyễn Đình B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án : Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn

Đình B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- Chi cục THADS huyện T
- TAND tỉnh TB
- UBND xã V
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương